

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HƯNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Trần Thanh Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1989; Địa chỉ: số A, khóm H, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Mai Văn Đ, sinh năm: 1990 Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 01 năm 2024, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D1 trình bày:*

Bà và ông Đ tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 04/5/2021. Quá trình chung sống thì vợ chồng bà không có con chung. Thời gian sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau này giữa bà và ông Đ thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, ông Đ có hành vi đe dọa, đánh đập bà, có tiền tự tiêu xài cho bản thân không lo cho gia đình, thường xuyên cự cãi do bất đồng về tiền bạc giữa vợ chồng, bà D1 và ông Đ đã sống ly thân từ 12/2022 đến nay.

Nay mâu thuẫn trầm trọng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nay bà không thể tiếp tục sống chung với ông Đ; Hơn nữa ông Đ không trách nhiệm, nghĩa vụ với bà, nên bà xin được ly hôn với ông Mai Văn Đ.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ông Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần không đến, nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Vợ chồng bà D1, ông Đ có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà D1 nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông Đ có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, ông Đ không quan tâm, chăm sóc gia đình, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn khả năng đoàn tụ. Hơn nữa, bà D1, ông Đ đã sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay nên yêu cầu của bà D1 về việc ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Đối với ông Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông Đ là phù hợp tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về thủ tục tố tụng:***

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng đã triệu tập họp lệ và niêm yết văn bản tố tụng đối cho ông Đ biết nhưng ông Mai Văn Đ không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung vụ án:**

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà D1 với ông Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên phát sinh mâu thuẫn, Tòa án đã thụ lý vụ án tiến hành hòa giải cho thời gian đoàn tụ để ông Đ có điều kiện tự điều chỉnh mâu thuẫn và có phương pháp đoàn tụ gia đình, nhưng ông Đ không có phương pháp giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ, Tòa án đã triệu tập nhiều lần ông không đến, ông Đ không đến nghĩa là ông không quan tâm đến hôn nhân của ông và bà D1. Ngoài ra, ông có thái độ xem thường vợ, đối xử ngược đãi vợ, vợ chồng đã sống ly thân từ 12/2022 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D1 với ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà D1 yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Không có nên không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Ông Mai Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều, 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Các Điều 51, 56, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

**1. Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Mai Văn Đ.

**2. Về con chung:** Không có nên không đề cập đến.

**3. Về án phí:**

Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001966 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Mai Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Thành**